

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 32/2023/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về Phí và Lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về Phí và Lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp).

b) Cơ quan thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng miễn nộp phí

1. Hộ nghèo.
2. Người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.
3. Đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Hình thức nộp, kỳ kê khai nộp phí

1. Hình thức nộp phí trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thông qua tổ chức tín dụng, tổ chức dịch vụ.
2. Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

Điều 5. Kê khai thu, quản lý và sử dụng tiền phí

1. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán tiền phí thu được theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan thu phí được trích để lại 90% trên tổng số thu được để trang trải cho công tác thẩm định hồ sơ và nộp 10% còn lại vào ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 01 năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục
Quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
I	Đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân			
1.	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt	40.000	40.000	40.000
2.	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đồng loạt	25.000	25.000	25.000
3.	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	125.000	125.000	160.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	70.000	70.000	90.000
-	Đất tại các xã còn lại.	100.000	100.000	128.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến			
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	100.000	100.000	128.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	56.000	56.000	72.000
-	Đất tại các xã còn lại.	80.000	80.000	102.000
4.	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			

STT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	90.000	90.000	117.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	54.000	54.000	70.000
-	Đất tại các xã còn lại	72.000	72.000	94.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến			
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	72.000	72.000	94.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	43.000	43.000	56.000
-	Đất tại các xã còn lại.	58.000	58.000	75.000
5.	Đăng ký biến động đất đai (bao gồm cấp mới giấy chứng nhận và chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận đã cấp)			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	105.000	105.000	140.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	63.000	63.000	84.000
-	Đất tại các xã còn lại.	84.000	84.000	112.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến			
-	Đất tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc các huyện.	84.000	84.000	112.000
-	Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc thị xã, các huyện đồng bằng; huyện Lý Sơn.	50.000	50.000	67.000
-	Đất tại các xã còn lại.	67.000	67.000	90.000
II	Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo			
1.	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	600.000	600.000	780.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến	480.000	480.000	624.000
2.	Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng			

STT	Nội dung công việc	MỨC THU (Đồng/hồ sơ)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
	nhận			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	420.000	420.000	546.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến	336.000	336.000	437.000
3.	Đăng ký biến động đất đai (bao gồm cấp mới giấy chứng nhận và chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận đã cấp)			
a)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	590.000	590.000	760.000
b)	Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến	472.000	472.000	608.000